TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H , TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bỉnh Quyền
Bà Lường Thị Huyền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H , tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:**
Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H , tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan H 1, sinh năm 1982. Xin xét xử vắng mặt
Địa chỉ: số 34 Đ, phường V, quận L, TP. Hải Phòng
Bị đơn: Anh Lê Trung K, sinh năm 1977. Xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 2, xã Ng, huyện H , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan H 1 thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thị Lan H 1 và anh Lê Trung K tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn và được UBND phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/5/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hết sức căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia

đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm thì anh K về quê anh sinh sống. Từ đó, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng ly thân cũng đã 10 năm nay. Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị H 1 đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Trung K.

Về con: Chị H 1 và anh K có 02 con chung là cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 27/4/2004 và cháu Lê Thảo V, sinh ngày 11/01/2013. Chị H 1 đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Lê Thảo V và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với cháu Lê Trung Đ đã đủ 18 tuổi nên chị H 1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Chị H 1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2024 của bị đơn là anh Lê Trung K thể hiện:

Anh Lê Trung K và chị Nguyễn Thị Lan H 1 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/5/2004. Sau một thời gian sống hạnh phúc và hòa thuận thì anh chị bắt đầu có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị H 1 đề nghị được ly hôn với anh K thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con: chị H 1 và anh K có 02 con chung là cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 27/4/2004 và cháu Lê Thảo V, sinh ngày 11/01/2013. Vì cháu Lê Thảo V sinh sống cùng chị H 1 từ nhỏ nên anh K đồng ý tiếp tục giao cháu V cho chị H 1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh K sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 1 theo yêu cầu của chị H 1. Đối với cháu Lê Trung Đ đã trên 18 tuổi nên anh K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh Lê Trung K không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2024 của cháu Lê Thảo V thể hiện: Bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ H 1.

Tại biên bản xác minh ngày 16/5/2024 tại UBND xã Ng, huyện H , tỉnh Thanh Hóa, lãnh đạo địa pH 1 xác nhận: Anh Lê Trung K và chị Nguyễn Thị Lan H 1 có đăng ký kết hôn tại tại UBND phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội ngày 07/5/2004. Sau khi kết hôn, giữa anh K và chị H 1 có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa pH 1 không năm bắt được. Từ năm 2013, anh K sinh sống một mình tại thôn 2, xã Ng, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan H 1, xử cho chị Nguyễn Thị Lan H 1 được ly hôn anh Lê Trung K. Về con: đề nghị công nhận anh chị có 02 con chung là cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 27/4/2004 và cháu Lê Thảo V, sinh ngày 11/01/2013. Cháu Lê Trung Đ đã đủ 18 tuổi nên chị H 1 và anh K không yêu cầu Toà án giải quyết; đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H 1, giao cho chị H 1 trực tiếp nuôi cháu Lê Thảo V, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Lan H 1 và anh Lê Trung K không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị Lan H 1 chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan H 1 không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Lê Trung K và chị Nguyễn Thị Lan H 1 theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Lan H 1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải và chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lan H 1 và bị đơn là anh Lê Trung K đều đã xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan H 1 và anh Lê Trung K tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/5/2004 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân

& gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị Lan H 1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Lê Trung K. Anh chị đều thống nhất ly hôn nhưng do chị đề nghị không hòa giải, tại phiên tòa vắng mặt anh chị nên không công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan H 1 là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Do chị Nguyễn Thị Lan H 1 và anh Lê Trung K cùng thống nhất có 02 con chung là cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 27/4/2004 và cháu Lê Thảo V, sinh ngày 11/01/2013 nên công nhận hai cháu Lê Trung Đ và Lê Thảo V là con chung của anh K và chị H 1. Do cháu Lê Trung Đ đã đủ 18 tuổi nên anh chị thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị H 1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Lê Thảo V, cháu V cũng có nguyện vọng xin ở với mẹ và anh K cũng thống nhất điều này. Vì vậy, giao cháu Lê Thảo V cho chị Nguyễn Thị Lan H 1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Chị H 1 không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lan H 1 phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan H 1 được ly hôn với anh Lê Trung K.

Về con: Công nhận chị Nguyễn Thị Lan H 1 và anh Lê Trung K có 02 con chung là cháu cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 27/4/2004 và cháu Lê Thảo V, sinh ngày 11/01/2013. Do cháu Lê Trung Đ đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét. Giao cháu

Lê Thảo V cho chị Nguyễn Thị Lan H 1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Trung K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu anh Lê Trung K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Lan H 1 thì chị H 1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh K.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Lan H 1 chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0003827 ngày 02/5/2024 (chị Nguyễn Thị Lan H 1 đã thi hành xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Lan H 1 và anh Lê Trung K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H ;*
- *Chi cục THADS huyện H ;*
- *UBND P. Phan Chu Trinh, Q Hoàn Kiếm, TP HN;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Huyền **Lê Bỉnh Quyền** **Lê Thị Ngọc Tú**